

Số: 989/QĐ-ĐHTB

Sơn La, ngày 12 tháng 9 năm 2022

## **QUYẾT ĐỊNH**

V/v ban hành Chương trình đào tạo trình độ đại học, cao đẳng năm 2022

### **HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC**

*Căn cứ Luật Giáo dục đại học ban hành ngày 18/6/2012; Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ban hành ngày 19/11/2018;*

*Căn cứ Quyết định số 39/2001/QĐ-TTg ngày 23/3/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Tây Bắc;*

*Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;*


*Căn cứ kết quả họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo ngày 05 tháng 9 năm 2022 về việc thông qua chương trình đào tạo trình độ đại học, cao đẳng sau khi được rà soát, chỉnh sửa;*

*Xét đề nghị của Trường phòng Đào tạo.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành Chương trình đào tạo trình độ đại học, cao đẳng sau khi được rà soát, chỉnh sửa, bao gồm 24 chương trình đào tạo trình độ đại học và 01 chương trình đào tạo trình độ cao đẳng (có các chương trình đào tạo được ban hành cụ thể kèm theo).

**Điều 2.** Chương trình đào tạo ban hành theo Quyết định này được áp dụng trong công tác đào tạo kể từ năm học 2022 - 2023.

**Điều 3.** Trường các đơn vị thuộc Trường và sinh viên Trường Đại học Tây Bắc chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. 

**Nơi nhận:**

- Ban Giám hiệu;
- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Lưu: VT, ĐT.



**TS. Đinh Thanh Tâm**

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO  
NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON**

(Ban hành theo Quyết định số 989/QĐ-ĐHTB ngày 12 tháng 9 năm 2022  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Bắc)

**A. THÔNG TIN TỔNG QUÁT**

Chương trình đào tạo (CTĐT) cử nhân Giáo dục mầm non được ban hành và áp dụng tại Trường Đại học Tây Bắc theo Quyết định số 989/QĐ-ĐHTB ngày 12/9/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Bắc.

Từ năm 2010, CTĐT được cập nhật, điều chỉnh và cải tiến định kỳ 04 năm/lần. CTĐT này vừa mới được cập nhật, điều chỉnh và cải tiến theo định kỳ và là CTĐT tốt nhất, phù hợp với các bên liên quan, đặc biệt là Chương trình giáo dục phổ thông 2018, Luật giáo dục đại học và các văn bản liên quan đến CTĐT trình độ đại học.

CTĐT cử nhân Giáo dục mầm non được xây dựng và quản lý bởi Khoa Tiểu học - Mầm non (KTHMN). Hiện tại, Khoa đang quản lý 03 chương trình đào tạo cử nhân (*Giáo dục tiểu học, Giáo dục mầm non trình độ đại học, Giáo dục mầm non trình độ cao đẳng*), 01 chương trình đào tạo thạc sĩ (*Lý luận và Phương pháp dạy học tiểu học*).

Khoa Tiểu học - Mầm non, Trường Đại học Tây Bắc là đơn vị đào tạo nguồn nhân lực hệ chính quy có trình độ đại học, cao đẳng; hệ vừa làm vừa học có trình độ đại học và hệ cao học. Khoa cũng là đơn vị bồi dưỡng chuyên môn cho cán bộ, công chức; nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, triển khai các dịch vụ kỹ thuật phục vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây Bắc.

**Bảng 25. Thông tin chung về chương trình đào tạo**

1. Tên chương trình đào tạo (tiếng Việt):	Giáo dục mầm non
2. Tên chương trình đào tạo (tiếng Anh):	Preschool Education
3. Trình độ đào tạo:	Đại học
4. Mã ngành đào tạo:	7140201
5. Đối tượng tuyển sinh:	Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương theo Quy định hiện hành
6. Thời gian đào tạo:	04 năm (08 học kỳ)
7. Loại hình đào tạo:	Chính quy
8. Số tín chỉ tích lũy tối thiểu:	136 tín chỉ
9. Khoa quản lý:	Khoa Tiểu học - Mầm non
10. Ngôn ngữ:	Tiếng Việt

11. Website:	https://psk.utb.edu.vn/
12. Thang điểm:	Thang điểm 4
13. Điều kiện tốt nghiệp:	Sinh viên được xét công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau: - Phải tích lũy tối thiểu 136 tín chỉ, trong đó bao gồm tất cả các học phần bắt buộc. - Đạt chuẩn đầu ra Tin học - Đạt chuẩn đầu ra Ngoại ngữ
14. Văn bằng tốt nghiệp:	Bằng Cử nhân
15. Vị trí việc làm:	- Giáo viên mầm non tại các cơ sở giáo dục mầm non (ở các loại hình trường khác nhau). - Chuyên viên tại các Phòng/Sở/Bộ Giáo dục và Đào tạo - Giảng viên Giáo dục mầm non tại các trường Đại học/Cao đẳng - Chuyên gia về khoa học giáo dục mầm non tại các viện/trung tâm nghiên cứu/ứng dụng Giáo dục mầm non, công ty giáo dục. - Cán bộ quản lý tại các cơ sở giáo dục mầm non.
16. Khả năng nâng cao trình độ:	Có thể học tiếp sau đại học ở chuyên ngành về Giáo dục mầm non, Giáo dục học, Tâm lý học và Quản lý giáo dục.
17. Chương trình đào tạo đối sánh:	1. Giáo dục mầm non, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội. 2. Giáo dục mầm non, Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên
18. Thời điểm cập nhật bản chương trình đào tạo:	06/2022

## B. MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

### I. Mục tiêu của chương trình đào tạo (Program Objectives: POs)

#### 1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân Giáo dục mầm non có đủ phẩm chất, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, năng lực nghiên cứu khoa học để chăm sóc – giáo dục, làm việc, quản lý trong các lĩnh vực liên quan đến Giáo dục mầm non tại các cơ sở giáo dục, các cơ sở nghiên cứu và tư vấn phát triển giáo dục, các phòng giáo dục, sở Giáo dục và Đào tạo trong cả nước, đặc biệt là khu vực miền núi phía Tây Bắc; có khả năng khởi nghiệp, thích ứng với môi trường làm việc thay đổi và học tập ở bậc học cao hơn trong lĩnh vực Giáo dục mầm non, quản lý giáo dục; có khả năng liên thông ở các chương trình đào tạo cử nhân sư phạm khác.

#### 2. Mục tiêu cụ thể

Trường Đại học Tây Bắc đào tạo người học tốt nghiệp CTĐT ngành Giáo dục mầm non:

**PO1:** Vận dụng được các kiến thức cơ bản về lý luận chính trị và pháp luật Việt Nam; các kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên ngành về Giáo dục mầm non vào phục vụ cho hoạt động nghề nghiệp và học tập suốt đời.

**PO2:** Có năng lực tổ chức các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; quản lý

nhóm/lớp; nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực giáo dục mầm non.

**PO3:** Có kỹ năng mềm, tư duy sáng tạo, khả năng truyền cảm hứng và thích ứng với môi trường làm việc thay đổi.

**PO4:** Có phẩm chất, đạo đức nghề nghiệp; ý thức phục vụ cộng đồng và tinh thần khởi nghiệp.

## **II. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (Program Learning Outcomes: PLOs)**

Người học khi tốt nghiệp cử nhân CTĐT ngành Giáo dục mầm non của Trường Đại học Tây Bắc có khả năng:

**PLO1. Hiểu và vận dụng các kiến thức cơ bản về chính trị, chủ trương đường lối chính sách và pháp luật của Nhà nước. Vận dụng các kiến thức cơ bản về tâm lý, giáo dục và quản lý giáo dục trong tổ chức hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng - giáo dục ở trường mầm non và trong cuộc sống.**

PI1.1. Vận dụng được các kiến thức cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, pháp luật của Nhà nước, chính sách quốc phòng - an ninh trong hoạt động thực tiễn và công việc của bản thân.

PI1.2. Vận dụng được các kiến thức cơ bản của tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non, giáo dục học mầm non vào việc thiết kế, tổ chức các hoạt động chăm sóc - giáo dục trẻ.

PI1.3. Vận dụng được các kiến thức cơ bản thuộc lĩnh vực khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, nghệ thuật, công nghệ và tin học trong hoạt động chăm sóc - giáo dục trẻ tại các cơ sở giáo dục mầm non và các tổ chức liên quan đến trẻ em.

**PLO2:** Tổ chức được các hoạt động chăm sóc – giáo dục theo định hướng phát triển toàn diện cho trẻ.

**PI 2.1:** Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện được các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ phát triển toàn diện phù hợp với bối cảnh địa phương.

**PI 2.2:** Lập và tổ chức thực hiện được kế hoạch giáo dục trẻ phát triển toàn diện phù hợp với bối cảnh địa phương.

**PI 2.3:** Phát triển chương trình giáo dục mầm non phù hợp với xu thế xã hội và bối cảnh địa phương.

**PI 2.4:** Thiết kế và sử dụng được các công cụ đánh giá sự phát triển của trẻ theo chương trình giáo dục mầm non có hiệu quả.

**PLO3:** Xây dựng được môi trường giáo dục tích cực, phù hợp với văn hóa vùng miền.

**PI 3.1:** Xây dựng được môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh và thân thiện.

**PI 3.2:** Thực hiện tốt quyền dân chủ trong nhà trường.

**PI 3.3:** Thực hiện được các hoạt động tư vấn trong chăm sóc – giáo dục cho phụ huynh.

**PI 3.4:** Hỗ trợ và phối hợp với đồng nghiệp trong việc thực hiện các quy định về quyền trẻ em; phát huy quyền dân chủ của bản thân, đồng nghiệp và cha, mẹ hoặc người giám hộ trẻ em theo quy chế dân chủ trong nhà trường.

**PLO4:** Ứng dụng thành thạo công nghệ thông tin và sử dụng được tiếng Anh trong hoạt động chuyên môn và nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực giáo dục mầm non.

**PI 4.1:** Vận dụng kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản đạt chuẩn theo Quy định tại Thông tư 03/2014/TT-BTTTT và khai thác các ứng dụng công nghệ thông tin trong chăm sóc - giáo dục trẻ em và quản lý nhóm/lớp; tự học và trong nghiên cứu khoa học.

**PI 4.2:** Sử dụng Tiếng Anh đạt năng lực bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam trong hoạt động chuyên môn chăm sóc - giáo dục trẻ em và nghiên cứu





Mục tiêu cụ thể									
<b>PO1</b>	Vận dụng được các kiến thức cơ bản về lí luận chính trị và pháp luật Việt Nam; các kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên ngành về Giáo dục mầm non vào phục vụ cho hoạt động nghề nghiệp và học tập suốt đời.	X	X	X	X	X	X	X	X
<b>PO2</b>	Có năng lực tổ chức các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; quản lí nhóm/lớp; nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực giáo dục mầm non.	X	X	X	X	X	X	X	
<b>PO3</b>	Có kĩ năng mềm, tư duy sáng tạo, khả năng truyền cảm hứng và thích ứng với môi trường làm việc thay đổi.	X	X	X	X	X	X	X	
<b>PO4</b>	Có phẩm chất, đạo đức nghề nghiệp; ý thức phục vụ cộng đồng và tinh thần khởi nghiệp.	X	X		X	X		X	

**Bảng 2. Ma trận thể hiện sự tương thích giữa POs, PLOs và PIs.**

PO	PLO	PI
<b>PO1:</b> Vận dụng được các kiến thức cơ bản về lí luận chính trị và pháp luật Việt Nam; các kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên ngành về Giáo dục mầm non vào phục vụ cho hoạt động nghề nghiệp và học tập suốt đời.	<b>PLO1:</b> Hiểu và vận dụng các kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và Pháp luật Việt Nam vào thực tiễn; Vận dụng các kiến thức cơ bản về Tâm lý học, Giáo dục học, Quản lý hành chính nhà nước và Quản lý ngành Giáo dục và Đào tạo vào việc tổ chức hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng và hoạt động giáo dục ở trường mầm non và trong cuộc sống.	<b>PI 1.1:</b> Vận dụng được các kiến thức cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, pháp luật của Nhà nước, chính sách quốc phòng - an ninh trong hoạt động thực tiễn và công việc của bản thân. <b>PI 1.2:</b> Vận dụng được các kiến thức cơ bản của tâm lí học trẻ em lứa tuổi mầm non, giáo dục học mầm non vào việc thiết kế, tổ chức các hoạt động chăm sóc - giáo dục trẻ. <b>PI 1.3:</b> Vận dụng được các kiến thức cơ bản thuộc lĩnh vực toán học, ngôn ngữ và văn học, khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, nghệ thuật, công nghệ và tin học trong hoạt động chăm sóc – giáo dục trẻ, trong nghiên cứu và ứng dụng các vấn đề về chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ tại các cơ sở giáo dục mầm non và các tổ chức liên quan đến trẻ em.
<b>PO2:</b> Có năng lực tổ chức các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; quản lí nhóm/lớp;	<b>PLO2:</b> Tổ chức được các hoạt động chăm sóc – giáo dục theo định hướng phát triển toàn diện cho trẻ.	<b>PI 2.1:</b> Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện được các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ phát triển toàn diện phù hợp với bối cảnh địa phương. <b>PI 2.2:</b> Lập và tổ chức thực hiện được kế hoạch giáo dục trẻ phát triển toàn diện phù hợp với bối cảnh địa phương.

<p> nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực giáo dục mầm non.</p>		<p><b>PI 2.3:</b> Phát triển chương trình giáo dục mầm non phù hợp với xu thế xã hội và bối cảnh địa phương.</p> <p><b>PI 2.4:</b> Thiết kế và sử dụng được các công cụ đánh giá sự phát triển của trẻ theo chương trình giáo dục mầm non có hiệu quả.</p>
	<p><b>PLO3:</b> Xây dựng được môi trường giáo dục tích cực, phù hợp với văn hóa vùng miền.</p>	<p><b>PI 3.1:</b> Xây dựng được môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh và thân thiện.</p> <p><b>PI3.2.</b> Thực hiện tốt quyền dân chủ trong nhà trường.</p> <p><b>PI 3.3:</b> Thực hiện được các hoạt động tư vấn trong chăm sóc – giáo dục cho phụ huynh.</p> <p><b>PI 3.4:</b> Hỗ trợ và phối hợp với đồng nghiệp trong việc thực hiện các quy định về quyền trẻ em; phát huy quyền dân chủ của bản thân, đồng nghiệp và cha, mẹ hoặc người giám hộ trẻ em theo quy chế dân chủ trong nhà trường</p>
	<p><b>PLO4:</b> Ứng dụng thành thạo công nghệ thông tin và sử dụng được tiếng Anh trong hoạt động chuyên môn và nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực giáo dục mầm non.</p>	<p><b>PI 4.1:</b> Vận dụng kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản đạt chuẩn theo Quy định tại Thông tư 03/2014/TT-BTTTT và khai thác các ứng dụng công nghệ thông tin trong chăm sóc - giáo dục trẻ em và quản lý nhóm/lớp; tự học và trong nghiên cứu khoa học.</p> <p><b>PI 4.2:</b> Sử dụng Tiếng Anh đạt năng lực bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam trong hoạt động chuyên môn chăm sóc - giáo dục trẻ em và nghiên cứu khoa học.</p>
	<p><b>PLO5:</b> Thực hiện được các nghiên cứu cơ bản về giáo dục mầm non, sử dụng kết quả nghiên cứu góp phần đổi mới quá trình chăm sóc, nuôi dưỡng – giáo dục trẻ tại các cơ sở giáo dục mầm non.</p>	<p><b>PI5.1:</b> Xây dựng được kế hoạch nghiên cứu thuộc lĩnh vực giáo dục mầm non.</p> <p><b>PI5.2:</b> Thực hiện được hoạt động nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực giáo dục mầm non và có khả năng phân biệt các vấn đề về giáo dục mầm non một cách logic, độc lập.</p> <p><b>PI5.3:</b> Đề xuất được ý tưởng và định hướng ứng dụng kết quả nghiên cứu vào hoạt động thực tiễn để giải quyết các vấn đề phức tạp và sáng tạo.</p>
<p><b>PO3:</b> Có kỹ năng mềm, tư duy sáng tạo, khả năng truyền cảm hứng và thích ứng với môi</p>	<p><b>PLO6:</b> Thực hiện có hiệu quả hoạt động giao tiếp và ứng xử sư phạm với trẻ, với phụ huynh; các hoạt động tư vấn giáo dục trẻ; phát triển mối quan hệ giữa nhà trường,</p>	<p><b>PI6.1:</b> Sử dụng hiệu quả kiến thức chuyên sâu về tâm lý học trẻ em và giáo dục học mầm non để xử lý các tình huống giao tiếp hằng ngày trong chăm sóc và giáo dục trẻ tại các cơ sở giáo dục mầm non.</p> <p><b>PI6.2:</b> Vận dụng được các kiến thức chuyên sâu về trẻ em để tư vấn cho phụ huynh và cộng đồng</p>

trường làm việc thay đổi.	gia đình và cộng đồng.	trong hoạt động chăm sóc - giáo dục con tại nhà. <b>PI6.3: Phối hợp tốt với cha, mẹ hoặc người giám hộ trẻ em và cộng đồng để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em.</b> <b>PI6.4: Phối hợp với cha, mẹ hoặc người giám hộ trẻ em và cộng đồng để bảo vệ quyền trẻ em hiệu quả.</b>
	<b>PLO7:</b> Sử dụng hiệu quả kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm trong nhà trường và cộng đồng.	<b>PI7.1:</b> Vận dụng hiệu quả kỹ năng giao tiếp trong hoạt động nghề nghiệp. <b>PI7.2:</b> Ứng xử thân thiện, tôn trọng sự khác biệt, đa dạng của cá nhân và nhóm. <b>PI7.3:</b> Thực hiện và đánh giá được hoạt động nhóm hiệu quả.
<b>PO4:</b> Có phẩm chất, đạo đức nghề nghiệp; ý thức phục vụ cộng đồng và tinh thần khởi nghiệp.	<b>PLO8:</b> Thực hiện hành vi ứng xử phù hợp với phẩm chất, đạo đức nghề nghiệp; tham gia kết nối và phục vụ cộng đồng; hình thành ý tưởng khởi nghiệp.	<b>PI8.1:</b> Thực hiện hành vi ứng xử phù hợp với đạo đức nghề nghiệp. <b>PI8.2:</b> Tham gia tích cực các dự án kết nối và phục vụ cộng đồng. <b>PI8.3:</b> Hình thành ý tưởng khởi nghiệp, tìm kiếm cơ hội, tự tạo việc làm cho bản thân và người khác.

#### IV. Ma trận đối sánh chuẩn đầu ra CTĐT với khung trình độ quốc gia Việt Nam

**Bảng 27. Chuẩn đầu ra theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam bậc Đại học**

Kiến thức	Kỹ năng	Mức tự chủ và trách nhiệm
<p><b>KT1:</b> Kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong phạm vi của ngành đào tạo.</p> <p><b>KT2:</b> Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật.</p> <p><b>KT3:</b> Kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc.</p> <p><b>KT4:</b> Kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình trong một lĩnh vực hoạt động cụ thể.</p>	<p><b>KN1:</b> Kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp.</p> <p><b>KN2:</b> Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác.</p> <p><b>KN3:</b> Kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi.</p> <p><b>KN4:</b> Kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.</p> <p><b>KN5:</b> Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những</p>	<p><b>TCTN1:</b> Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.</p> <p><b>TCTN2:</b> Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định.</p> <p><b>TCTN3:</b> Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.</p> <p><b>TCTN4:</b> Lập kế hoạch,</p>



<b>KT5:</b> Kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn.	nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp. <b>KN6:</b> Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.	điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.
--------------------------------------------------------------------------	--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	---------------------------------------------------------------------------------

**Bảng 28. Ma trận đối sánh chuẩn đầu ra CTĐT với Khung trình độ quốc gia Việt Nam**  
(Đánh dấu X vào ô có liên quan)

CDR theo Khung trình độ QG Chuẩn đầu ra CTĐT	Kiến thức					Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm			
	KT1	KT2	KT3	KT4	KT5	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN6	TCTN1	TCTN2	TCTN3	TCTN4
PLO 1	X	X			X					X		X	X	X	
PLO 2	X		X	X	X	X		X	X	X		X	X	X	X
PLO 3	X		X			X					X	X		X	
PLO 4	X	X		X	X	X		X	X	X		X	X	X	X
PLO 5	X		X	X		X		X	X	X	X	X		X	X
PLO 6	X			X		X		X	X	X		X	X	X	X
PLO 7	X		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
PLO 8	X	X		X	X		X	X	X	X		X	X	X	X

## V. Cơ hội việc làm và khả năng học tập sau đại học

### 5.1. Cơ hội việc làm

Sinh viên tốt nghiệp từ CTĐT ngành Giáo dục mầm non có thể làm các công việc:

- Giáo viên mầm non tại các cơ sở giáo dục mầm non (ở các loại hình trường khác nhau).
- Chuyên viên tại các Phòng/Sở/Bộ Giáo dục và Đào tạo
- Giảng viên Giáo dục mầm non tại các trường Đại học/Cao đẳng
- Chuyên gia về khoa học giáo dục mầm non tại các viện/trung tâm nghiên cứu/ứng dụng Giáo dục mầm non, công ty giáo dục.
- Cán bộ quản lý tại các cơ sở giáo dục mầm non.

### 5.2. Khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Có thể học tiếp sau đại học ở chuyên ngành về Giáo dục mầm non, Giáo dục học, Tâm lý học và Quản lý giáo dục.

## VI. Tiêu chí tuyển sinh và điều kiện tốt nghiệp

### 6.1. Tiêu chí tuyển sinh

CTĐT ngành Giáo dục Mầm non chấp nhận các ứng viên đảm bảo những điều kiện sau:

1. Tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương;
2. Đăng ký và nộp hồ sơ xét tuyển theo quy định;

3. Đạt điểm xét tuyển của ngành trong đợt xét tuyển mà ứng viên đăng kí.

**6.2. Điều kiện tốt nghiệp:** Sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp khi đủ các điều kiện sau:

1. Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của CTĐT, đạt chuẩn đầu ra của CTĐT;

2. Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên;

3. Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

## **VII. Chiến lược giảng dạy và học tập**

Để bảo đảm đạt được các chuẩn đầu ra của CTĐT ngành Giáo dục Mầm non và hướng đến các triết lí giáo dục của Trường Đại học Tây Bắc, Khoa Tiểu học - Mầm non xây dựng chiến lược và phương pháp dạy học sử dụng trong CTĐT cụ thể như sau:

### **7.1. Chiến lược dạy học trực tiếp**

Là chiến lược dạy học trong đó thông tin được chuyển tải đến với người học theo cách trực tiếp, giảng viên trình bày và sinh viên lắng nghe. Chiến lược dạy học này thường được áp dụng trong các lớp học truyền thống và tỏ ra có hiệu quả khi muốn truyền đạt cho người học những thông tin cơ bản hay giải thích một kĩ năng mới.

Các phương pháp giảng dạy theo chiến lược này được CTĐT ngành Giáo dục mầm non áp dụng gồm: phương pháp thuyết trình, phương pháp giải quyết vấn đề.

*7.1.1. Phương pháp thuyết trình:* là phương pháp dạy học mà giảng viên sử dụng ngôn ngữ để trình bày, giải thích một nội dung kiến thức (thông qua tài liệu học tập) một cách có hệ thống, lôgic.

*7.1.2. Phương pháp giải quyết vấn đề:* Là phương pháp dạy học mà giảng viên tạo ra các tình huống có vấn đề nhằm điều hành sinh viên phát hiện vấn đề, tự giác, chủ động, sáng tạo trong giải quyết vấn đề đó một cách nhanh nhất, hiệu quả nhất. Từ đó, sinh viên lĩnh hội được tri thức, rèn luyện được kĩ năng, phương pháp nhận thức, năng lực giải quyết vấn đề.

### **7.2. Chiến lược dạy học gián tiếp**

Là chiến lược dạy học trong đó người học được tạo điều kiện trong quá trình học tập mà không cần có bất kỳ hoạt động giảng dạy công khai nào được thực hiện bởi giảng viên. Đây là tiến trình dạy học tiếp cận hướng đến người học, lấy người học làm trung tâm, trong đó giảng viên không trực tiếp truyền đạt nội dung bài học đến sinh viên mà thay vào đó, sinh viên được khuyến khích tham gia tích cực vào tiến trình học, sử dụng kĩ năng tư duy phản biện để giải quyết vấn đề.

Phương pháp giảng dạy theo chiến lược này được CTĐT ngành Giáo dục mầm non áp dụng là phương pháp dạy học tình huống, phương pháp đóng vai và phương pháp dạy học theo dự án.

*Phương pháp dạy học tình huống:* Là phương pháp dạy học giải quyết vấn đề trong đó sinh viên được nghiên cứu, giải quyết một tình huống có thực, từ đó phân tích, bình luận, đánh giá, suy xét và trình bày ý tưởng của mình để từng bước chiếm lĩnh tri thức hay vận dụng những kiến thức đã học vào những trường hợp thực tế.

### **7.3. Chiến lược dạy học trải nghiệm**

Là chiến lược dạy học trong đó người học tiếp nhận được kiến thức và kỹ năng thông qua những gì mà họ được trải nghiệm qua thực hành, thực tế quan sát và cảm nhận. Họ học thông qua làm và trải nghiệm.

Các phương pháp dạy học được CTĐT ngành Giáo dục mầm non áp dụng theo chiến lược dạy học này gồm: tham quan - trải nghiệm thực tế, thực hành - trình diễn mẫu.

**7.3.1. Phương pháp Tham quan - Trải nghiệm thực tế:** Đây là phương pháp dạy học thông qua các hoạt động tham quan, thực tập, đi thực tế, kết nối và phục vụ cộng đồng tại các cơ sở giáo dục, các bảo tàng, di tích lịch sử... giúp sinh viên liên hệ được lý luận với thực tiễn, hiểu được môi trường làm việc thực tế của ngành đào tạo sau khi tốt nghiệp, hiểu được các vấn đề kinh tế - xã hội. Từ đó, sinh viên hình thành kiến thức, kỹ năng, phát triển năng lực sáng tạo và giải quyết vấn đề đồng thời có thêm cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp.

**7.3.2. Phương pháp Thực hành - Trình diễn mẫu:** Đây là phương pháp dạy học dưới sự chỉ dẫn của giảng viên, người học lặp đi lặp lại nhiều lần những hoạt động nhất định trong những hoàn cảnh, môi trường khác nhau nhằm hình thành và phát triển các kỹ năng, kỹ xảo trong học tập và làm việc khi tốt nghiệp.

#### **7.4. Chiến lược dạy học tương tác**

Là chiến lược dạy học trong đó giảng viên sử dụng kết hợp nhiều hoạt động trong lớp học như đặt vấn đề hay câu hỏi gợi mở và yêu cầu sinh viên thảo luận, tranh luận để giải quyết vấn đề đó. Giảng viên có vai trò hướng dẫn sinh viên từng bước giải quyết vấn đề, từ đó, giúp sinh viên đạt được mục tiêu dạy học. Sinh viên có thể học từ bạn học hay từ giảng viên để phát triển các kỹ năng xã hội, kỹ năng tư duy phản biện, giao tiếp, đàm phán để đưa ra quyết định.

Các phương pháp học theo chiến lược này được chương trình đào tạo ngành Giáo dục mầm non áp dụng chủ yếu là: thảo luận nhóm, seminar.

**7.4.1. Phương pháp thảo luận nhóm:** là phương pháp dạy học trong đó giảng viên chia lớp thành nhiều nhóm nhỏ. Các thành viên trong nhóm đều phải làm việc, trao đổi từ đó đưa ra ý kiến chung của cả nhóm về vấn đề được giao.

**7.4.2. Phương pháp seminar:** là một hình thức tổ chức dạy học, trong đó, dưới sự điều khiển trực tiếp của giảng viên, sinh viên trình bày, thảo luận, tranh luận về những vấn đề khoa học có tính chuyên sâu nhất định.

#### **7.5. Chiến lược dạy học học tập độc lập**

Là chiến lược dạy học được hiểu là tất cả các hoạt động học của người học được thực hiện bởi các cá nhân người học với rất ít hoặc không có sự hướng dẫn của giáo viên. Đây là một quá trình giúp sinh viên tự định hướng việc học của mình theo kinh nghiệm học tập của bản thân. Sinh viên có quyền tự chủ và điều khiển hoạt động học của họ thông qua các bài tập, dự án hay vấn đề mà giáo viên gợi ý, hướng dẫn ở lớp.

Phương pháp học theo chiến lược này được CTĐT ngành Giáo dục mầm non áp dụng chủ yếu là tự học, nghiên cứu khoa học.

**7.5.1. Phương pháp tự học:** là quá trình người học tác động một cách tích cực, tự lực, chủ động và sáng tạo vào đối tượng (kiến thức, tư liệu...) nhằm chuyển hoá chúng thành tài sản trí tuệ, kỹ năng, thành năng lực riêng, làm cho chủ thể thay đổi và phát triển.

**7.5.2. Phương pháp nghiên cứu khoa học:** là một hoạt động xã hội hướng vào việc tìm kiếm những điều mà khoa học chưa biết hoặc phát hiện bản chất của sự vật, phát triển nhận thức khoa học về thế giới hoặc sáng tạo ra phương pháp mới và phương tiện kỹ thuật mới để cải

tạo hiện thực.

Các phương pháp giảng dạy và học tập nói trên giúp sinh viên đạt được chuẩn đầu ra CTĐT, thể hiện trong bảng dưới đây:

**Bảng 29. Mối liên hệ giữa phương pháp dạy - học và chuẩn đầu ra CTĐT**  
(Đánh dấu X vào ô có liên quan)

Chiến lược và phương pháp dạy - học		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)							
		PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
1	<b>Phương pháp dạy học trực tiếp</b>								
1.1	Phương pháp thuyết trình	X	X	X	X	X		X	
1.2	Phương pháp giải quyết vấn đề	X	X	X	X	X	X	X	X
2	<b>Phương pháp dạy học gián tiếp</b>								
1.2	Phương pháp dạy học tình huống	X	X		X				X
3	<b>Phương pháp dạy học - học tập trải nghiệm</b>								
3.1	Phương pháp Tham quan - trải nghiệm thực tế	X	X		X				X
3.2	Phương pháp Thực hành - trình diễn mẫu	X	X	X	X		X		
4	<b>Phương pháp dạy học tương tác</b>								
4.1	Phương pháp thảo luận nhóm	X	X	X	X	X	X		
4.2	Phương pháp seminar	X	X	X	X	X	X		
5	<b>Phương pháp dạy học - học tập độc lập</b>								
5.1	Phương pháp tự học	X	X	X	X	X	X	X	X

### C. CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

#### I. Cấu trúc chương trình đào tạo

Cấu trúc CTĐT được chia thành 02 khối kiến thức, trong đó có các học phần bắt buộc và học phần tự chọn với số tín chỉ trong mỗi khối được trình bày trong Bảng 6.

**Bảng 30. Các khối kiến thức và số tín chỉ**

STT	Khối kiến thức	Số tín chỉ	Số tín chỉ	
			Bắt buộc	Tự chọn
A	Khối kiến thức chung	28	26	2
B	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	108		

STT	Khối kiến thức	Số tín chỉ	Số tín chỉ	
			Bắt buộc	Tự chọn
I	Khối kiến thức cơ sở ngành	7	5	2
II	Khối kiến thức chuyên ngành	83	76	7
	1. Kiến thức chung của ngành	45	43	2
	2. Kiến thức chuyên sâu của ngành	38	33	5
III	Khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm và thực tập nghề nghiệp:	11	11	0
IV	Khối kiến thức khóa luận hoặc học phần tương đương	7	0	7
<b>Tổng</b>		136	118	18

**Ghi chú:** Chương trình trên chưa bao gồm các học phần bắt buộc về Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng - An ninh.

## II. Nội dung chương trình đào tạo theo các khối kiến thức

### 2.1. Khung chương trình đào tạo

**Bảng 7. Khung chương trình đào tạo**

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Loại tiết tín chỉ					Học phần tiên quyết/ học trước
				Lên lớp			TS tiết (x hệ số)	Tự học	
				LT	BT	TH			
<b>7.1. Kiến thức giáo dục đại cương</b>			28	(không kể GDTC và GDQP)					
	Bắt buộc		26						
1	POL0001	Triết học Mác – Lênin	3	42	3		48	90	
2	POL0002	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	28	2		32	60	PLO0001
3	POL0003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	28	2		32	60	PLO0002
4	PLO0004	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	28	2		32	60	PLO0001
5	PLO0005	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	25	5		35	60	PLO0004
6	PLO0006	Pháp luật đại cương	2	28	2		32	60	
7	ENG0001	Tiếng Anh 1	2						
8	ENG0002	Tiếng Anh 2	3						ENG0001
9	ENG0003	Tiếng Anh 3	2						ENG0002
10	ENG0004	Tiếng Anh 4	3						ENG0003
11	ICT0001	Tin học cơ sở	3	30	15		60	90	
	PHE0001	Giáo dục Thể chất 1	1	5	10		25	30	
	PHE0002	Giáo dục Thể chất 2	2		30		60	60	PHE0001
	GDQ0001	Giáo dục quốc phòng							
	Tự chọn 1		2	SV chọn học 1 trong các học phần sau					
12	PIE0001	Tiếng Việt thực hành	2	20	10		40	60	
	PIE0002	Cơ sở văn hoá Việt Nam	2	27	3		33	60	
	HIS0002	Văn hóa Tây Bắc	2	27	3		33	60	



	ICT0002	Tin học nâng cao	2	20	10		40	60	ICT0001
<b>7.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>			108						
7.2.1. Kiến thức cơ sở			7						
	Bắt buộc		5						
13	PSY0005	Quản lý hành chính nhà nước và Quản lý ngành GD & ĐT	2	28	2		32	60	
14	PSY0006	Tâm lý học và Giáo dục học đại cương	3	45	0		45	90	
	Tự chọn 2		2			SV chọn học 1 trong các học phần sau			
15	PSY0003	Giao tiếp sư phạm	2	15	15		45	60	
	PSY0004	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	24	6		36	60	
7.2.2. Kiến thức ngành			83						
7.2.2.1. Kiến thức chung của ngành			40						
	Bắt buộc		38						
16	PRE2022	Môi trường và con người	2	25	5		30	60	PRE2025
17	PRE2023	Sinh lý học trẻ em	2	25		5	35	60	
18	PRE2024	Tâm lý học trẻ em	3	30	15		60	90	PSY0006
19	PRE2025	Giáo dục học mầm non	4	30	5	25	85	120	PSY0006
20	PRE2026	Tiếng Việt	5	65	10		85	150	
21	PRE2027	Toán cơ sở	2	15			30	60	
22	PRE2028	Văn học	4	50	10		60	120	
23	PRE2029	Âm nhạc 1	3	40	5		50	90	
24	PRE2030	Âm nhạc 2	2	20	10		40	60	PRE2029
25	PRE2031	Đàn Organ	2	15	15		45	60	PRE2030
26	PRE2032	Múa và vận động theo nhạc	3	30	15		60	90	PRE2030
27	PRE2033	Mỹ thuật 1	3	30	15		60	90	
28	PRE2034	Mỹ thuật 2	3	20	25		70	90	PRE2033
	Tự chọn 3		2						
29	PRE2035	Mỹ học đại cương	2	25	5		35	60	
	PRE2036	Giáo dục tích hợp ở bậc học mầm non	2	25	5		35	60	PRE2025
	PRE2037	Tâm bệnh học trẻ em	2	20	10		40	60	PRE2024
	PRE2038	Giáo dục STEAM và các xu hướng giáo dục mầm non tiên tiến	2	20	10		40	60	PSY0006
7.2.2.2. Kiến thức chuyên sâu của ngành			43						
	Bắt buộc		38						
30	PRE2039	Vệ sinh và dinh dưỡng trẻ em	4	50		10	70	120	PRE2023
31	PRE2040	Đồ chơi	3	20	25		70	90	PRE2034
32	PRE2041	Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ	2	25		5	35	60	PRE2039
33	PRE2042	Tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ	3	25	20		65	90	PSY0006
34	PRE2043	Đánh giá trong giáo dục mầm non	2	20	10		40	60	PSY0006

35	PRE2044	Giáo dục hoà nhập	2	20	10		40	60	PRE2024
36	PRE2045	Lí luận và phương pháp kể chuyện	3	24	21		45	90	PRE2028
37	PRE2046	Lí luận và phương pháp cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh	3	35	5	10	50	90	PRE2025
38	PRE2047	Lí luận và phương pháp giáo dục thể chất	2	20	10		40	60	
39	PRE2048	Lý luận và phương pháp giáo dục âm nhạc	3	30	15		60	90	PRE2030
40	PRE2049	Lí luận và phương pháp phát triển ngôn ngữ	3	21	24		45	90	PRE2025 PRE2026
41	PRE2050	Lí luận và phương pháp hình thành biểu tượng toán	3	30		15	60	90	PRE2027 PRE2025 PRE2024
42	PRE2051	Lí luận và phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình	2	15	0	30	45	60	PRE2034 PRE2025
43	PRE2052	Lí luận và phương pháp cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học	3	20	25		45	90	PRE2028
Tự chọn 4			5	(sinh viên chọn các học phần sau để học tập với tổng số 5 tín chỉ)					
44	PSY0007	Quản lí giáo dục mầm non	2	20	10		40	60	PRE2025
	PRE2054	Toán và hoạt động khám phá khoa học	2	27	3		33	60	PRE2027 PRE2050
	PRE2061	Trò chơi dân gian và hướng dẫn trẻ tìm hiểu văn hoá địa phương	2	20	10		40	60	PRE2025
	PRE2059	Sử dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy bộ môn Mĩ thuật	2	25		10	35	60	PRE2051
45	PRE2055	Chuyên đề Giáo dục giới tính	3	40	5		50	90	PRE2023
	PRE2056	Chuyên đề Rèn kĩ năng đọc, kể diễn cảm tác phẩm văn học	3	10	35		45	90	PRE2028 PRE2045
	PRE2057	Ngữ dụng học và phong cách học tiếng Việt	3	40	5		50	90	PRE2026
	PRE2058	Chuyên đề Phương pháp biên dạy múa cho trẻ	3	30	15		60	90	PRE2032
	PRE2060	Giáo dục kĩ năng sống cho trẻ mầm non	3	30	15		60	90	PRE2025
	PRE2062	Tổ chức hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ ở trường mầm non	3	30	15		60	90	PRE2025
7.2.3. NVSP và thực tập chuyên môn			11						
46	PRE2063	Rèn luyện NVSP TX 1	2	5	25		55	60	PRE2025
47	PRE2064	Rèn luyện NVSP TX 2	2	0	30		60	60	PRE2025
48	PRE2065	Thực tập sư phạm 1	2	0	30		60	60	PRE2025
49	PRE2066	Thực tập sư phạm 2	5	0	75		150	150	

7.2.4. Khoá luận hoặc các học phần tương đương		7							
	PRE2067	Khóa luận	7						
50 51 52	Tự chọn 5		(SV không làm khóa luận chọn học 3 học phần với tổng số 7 tín chỉ)						
	ENG0005	Tiếng Anh 5	5	75			75	150	ENG0004
	PRE2068	Chuyên đề Đồ chơi sân khấu	2	10	20		50	60	PRE2034 PRE2040
	PIE0003	Chuyên đề Lịch sử trong giao tiếp tiếng Việt	2	27	3		33	60	
	PRE2069	LL và phương pháp phát triển tính tích cực vận động cho trẻ	2	5	5	20	45	60	PRE2047
	PRE2074	Ký họa	2	25	5		35	60	PRE2034
	PRE2075	Tư vấn tâm lý ở trường mầm non	2	20	10		40	60	PRE2024
	PRE2070	Phát triển ngôn ngữ cho trẻ mẫu giáo 5 – 6 tuổi	3	18	27		45	90	PRE2025 PRE2026
	PRE2071	Lí luận và phương pháp kể sáng tạo truyện cổ tích	3	20	25		75	90	PRE2028; PRE2045
	PRE2072	Phản đệm nâng cao trên đàn Organ	3	30	15		60	90	PRE2031 PRE2048
PRE2073	Lập kế hoạch và xây dựng môi trường giáo dục cho trẻ mầm non	3	25	20		65	90	PRE2025	
		<b>Tổng cộng</b>	<b>136</b>						